

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CẨM LỆ
TP ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 366/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 29-11-2019

V/v ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đức Hiếu

2. Bà Lê Thị Ngọc Diệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tham gia phiên tòa: Bà Trần Lê Phương - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 269/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2019 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Lệ N, sinh năm 1987; địa chỉ: số 54 đường Ng, phường Kh, quận C, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Đàm Quang T, sinh năm 1977; địa chỉ: số 54 đường Ng, phường Kh, quận C, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện ngày 03 tháng 9 năm 2019, tại bản khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Lệ N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Đàm Quang T kết hôn với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, sau khi kết hôn vợ chồng sống tại số 54 đường Ng, phường Kh, quận C, thành phố Đà Nẵng. Trong thời gian chung sống đến tháng 6 năm 2017 đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm, tính cách không hợp nhau, cãi vã, ông T ham mê cờ bạc, rượu chè về nhà đánh đập vợ, đỉnh điểm ngày 05 tháng 8 năm 2018 ông T đã đánh bà gây thương tích 9%, sau đó ông T đã bỏ nhà đi cho đến nay. Nay bà nhận thấy bà không còn tình cảm với ông T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Đàm Quang T.

- Về quan hệ con chung: Bà N xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Đàm Linh B, sinh ngày 03/6/2008 và Đàm Bảo Ng, sinh ngày 15/01/2010. Ly

hôn, bà N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà N xác nhận không có.

- Về nợ chung: Bà N xác nhận không có.

* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 09/10/2019 và ngày 25/10/2019 nhưng ông Đàm Quang T không có mặt tại Tòa án và không có bản khai gửi Tòa án.

* *Quan điểm của đại diện VKSND quận Cẩm Lệ tại phiên tòa:*

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- + Từ khi thụ lý đến trước thời điểm mở phiên tòa: Thẩm phán, Thư ký Tòa án, nguyên đơn tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa tuân thủ đúng theo pháp luật tố tụng dân sự như không đến Tòa án viết bản khai và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

- + Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn thực hiện đầy đủ, đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa tuân thủ đúng theo pháp luật tố tụng dân sự như không đến Tòa án để tham gia phiên tòa.

- Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- + Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Lệ N, xử cho bà N được ly hôn với ông Đàm Quang T.

- + Về quan hệ con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung Đàm Linh B, sinh ngày 03/6/2008 và Đàm Bảo Ng, sinh ngày 15/01/2010 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng và ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- + Về tài sản chung: Không có

- + Về nợ chung: Không có.

- + Dương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bà Lê Thị Lệ N khởi kiện yêu cầu được ly hôn ông Đàm Quang T trú tại số 54 đường Ng, phường Kh, quận C, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Bị đơn ông Đàm Quang T được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Lê Thị Lệ N và ông Đàm Quang T kết hôn với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn số 108/2009 ngày 08 tháng 10 năm 2009 tại phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông T là hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn bà N và ông T sống tại địa chỉ số 54 đường Ng, phường Kh, quận C, thành phố Đà Nẵng.

Theo bà N, vợ chồng chung sống đến tháng 6 năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nên thường xảy ra cãi vã, vợ chồng sống không hạnh phúc. Đồng thời, ông T ham mê cờ bạc dẫn đến việc nợ tiền nhiều người và thường xuyên uống rượu về nhà đánh đập vợ và đỉnh điểm là ngày 05/8/2018, ông T đánh bà gây thương tích với tỷ lệ thương tích là 09% và ông T đã bỏ nhà đi từ đó cho đến nay. Bà N đã đi tìm, hỏi thăm đến gia đình người thân nhưng không ai biết ông N đang ở đâu. Bà N đã yêu cầu Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với ông T, và Tòa án đã ra thông báo tìm kiếm ông T và đã đăng trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng cho đến nay ông T vẫn không về và không có liên lạc gì. Việc ông T bỏ nhà đi khỏi địa phương, cắt đứt mọi thông tin, không liên lạc với bà N điều đó chứng tỏ hai bên đã không còn tình cảm với nhau, tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cho bà N được ly hôn ông T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[2] *Về con chung*: Bà N và ông T có 02 con chung Đàm Linh B, sinh ngày 03/6/2008 và Đàm Bảo Ng, sinh ngày 15/01/2010. Ly hôn, bà N yêu cầu được nhận nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, cháu Đàm Linh B và Đàm Bảo Ng hiện đang sống với bà N, hai cháu cũng có nguyện vọng muốn ở với bà N. Đồng thời, từ khi bỏ nhà đi cho đến nay ông T không quan tâm, chăm sóc cho hai cháu. Do đó, để không xáo trộn cuộc sống hiện tại của các cháu, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà N, giao hai con chung cho bà N được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Bà N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không đề cập đến.

[3] *Về tài sản chung*: Bà N trình bày không có, nên HĐXX không xem xét.

[4] *Về tài sản chung*: Bà N không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] *Về án phí*: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Lê Thị Lệ N phải chịu là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị Lệ N được ly hôn ông Đàm Quang T.

2. Về con chung: Bà Lê Thị Lệ N được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung là Đàm Linh B, sinh ngày 03/6/2008 và Đàm Bảo Ng, sinh ngày 15/01/2010. Ông Đàm Quang T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Không có

4. Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

5. Về án phí: Bà Lê Thị Lệ N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) bà N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000718 ngày 09 tháng 9 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Bà N đã nộp đủ tiền án phí HNGĐ sơ thẩm.

6. Bà Lê Thị Lệ N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay. Riêng ông Đàm Quang T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Q. Cẩm Lệ;
- CCTHADS Q. Cẩm Lệ;
- TAND tp. Đà Nẵng;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lệ Hằng

